

Bản án số: 43/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 20/9/2017

*V/v: Tranh chấp hôn nhân
và gia đình.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Minh

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Luận

Ông Nguyễn Đắc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Bình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2017/TLPT- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2017/HNGĐ-ST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2017/QĐ-PT ngày 10/08/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn T1, sinh năm 1989.

Trú tại: Tiểu đoàn 1, Trung đoàn cơ động Tây Bắc thuộc Bộ tư lệnh cảnh sát cơ động; xã N, huyện Đ, tỉnh Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Dương Thị N, sinh năm 1990.

Trú tại: Thôn L, thị trấn H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

Người kháng cáo: Chị Dương Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Phía nguyên đơn là anh Lê Văn T1 trình bày: Anh kết hôn với chị Dương Thị N vào ngày 26/02/2014 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn, chị N về nhà anh sống chung ngay. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T1 xác định là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi chửi nhau. Tháng 10/2015 chị N đã làm đơn xin ly hôn gửi TAND huyện Đ, tỉnh Đ; sau đó được Tòa án hòa giải nên chị N rút đơn vợ chồng về đoàn tụ. Được một thời gian đoàn tụ thì vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn; tháng 7/2016 anh và chị N lại làm đơn xin ly hôn gửi TAND huyện T, tỉnh Bắc Ninh, sau đó Tòa án tiến hành hòa giải và vợ chồng nhất trí rút đơn về đoàn tụ. Quá trình chung sống, vợ chồng không cải thiện được tình cảm mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 10/2016 vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh T1 xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Dương Thị N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Minh G, sinh ngày 01/6/2014. Hiện cháu đang ở với chị N. Khi ly hôn anh nhất trí để chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu G; anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp và đất nông nghiệp: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Phía bị đơn là chị Dương Thị N trình bày: Chị xác nhận phần trình bày của anh T1 về quá trình tìm hiểu, thời điểm kết hôn và con chung là đúng. Theo chị N thì quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 có biểu hiện quan hệ bất chính với người phụ nữ khác do đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau; chị đã về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 11/2015. Nay anh T1 có đơn xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và vì con nhỏ nên chị không nhất trí ly hôn, chị đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ. Nếu anh T1 cương quyết ly hôn thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Minh G, sinh ngày 01/6/2014. Hiện cháu đang ở với chị. Nếu phải ly hôn thì chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu G và yêu cầu anh T1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000đ/tháng.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp và đất nông nghiệp: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm áp dụng các Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T1 được ly hôn với chị Dương Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Minh G, sinh ngày 01/6/2014 cho chị Dương Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T1 đóng góp cùng chị N mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 5/2017 cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi. Anh T1 được quyền thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp và đất nông nghiệp: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Án sơ thẩm xử xong, ngày 15/6/2017 chị Dương Thị N kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị bác đơn xin ly hôn và tăng mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm anh Lê Văn T1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Dương Thị N chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nội dung kháng cáo bác yêu cầu xin ly hôn của anh T1. Chị cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do anh T1 có quan hệ bất chính với chị Phan Thị P, sinh năm 1990 ở Vĩnh Phúc, hiện đang công tác tại Bưu điện tỉnh Đ, mặt khác con chung của hai người còn nhỏ nên chị không đồng ý ly hôn với anh T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án là đảm bảo theo đúng trình tự thủ tục tố tụng của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân và đình chỉ xét xử phúc thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Quá trình tự do tìm hiểu tự nguyện, ngày 26/02/2014 anh Lê Văn T1 và chị Dương Thị N có tổ chức kết hôn và đăng ký tại UBND xã Đình Tổ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh do đó quan hệ hôn nhân giữa anh T1 và chị N là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[2] Xét kháng cáo của chị Dương Thị N về việc bác đơn xin ly hôn của anh T1 Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn, chị N về chung sống với anh T1 ngay. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận trong khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn được xác định là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi chửi nhau. Chị N cho rằng anh T1 có quan hệ bất chính với chị Phan Thị P, sinh năm 1990 ở Vĩnh Phúc, hiện đang công tác tại Bưu điện tỉnh Đ. Tuy nhiên với căn cứ chị xuất trình để chứng minh cho lời trình bày của mình là chưa đủ cơ sở vững chắc để khẳng định anh T1 và chị P có quan hệ nam nữ bất chính. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị N cũng không xuất trình thêm bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh anh T1 có quan hệ bất chính.

Hơn nữa, quá trình sống chung từ tháng 10/2015 đến tháng 7/2016, anh T1 và chị N đã 02 lần gửi đơn xin ly hôn tại TAND huyện Đ, tỉnh Đ và TAND huyện T, tỉnh Bắc Ninh và đều được Tòa án hòa giải. Tuy nhiên, sau khi được hòa giải thì tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bản thân chị P muốn hôn nhân tồn tại nhưng lại không có phương pháp gì để vợ chồng đoàn tụ.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Lê Văn T1 và chị Dương thị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Án sơ thẩm xử cho anh T1 được ly hôn với chị N là có căn cứ. Vì vậy, không thể chấp nhận đơn kháng cáo đề nghị bác đơn xin ly hôn của chị N được, cần giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân.

Đối với kháng cáo về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa hôm nay chị Dương Thị N không đề nghị xem xét nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo này.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên chị N phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308; Điều 284; Điều 289 BLTTDS; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T1 được ly hôn với chị Dương Thị N.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về con chung: Giao cháu Lê Minh G, sinh ngày 01/6/2014 cho chị Dương Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T1 đóng góp cùng chị N mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 5/2017 cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi. Anh T1 được quyền thăm nom con chung.

4. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp và đất nông nghiệp: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Anh Lê Văn T1 phải chịu 200.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 200.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Xác nhận anh T1 đã nộp 200.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 00639 ngày 17/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Chị Dương Thị N phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm. Xác nhận chị N đã nộp số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 00817 ngày 15/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hữu Minh